

**VN-Index bật mạnh**

Bất động sản và khoáng sản tiếp tục tăng trần và là động lực chính cho đà tăng của các chỉ số. Trong khi đó, nhóm chứng khoán và ngân hàng biến động rất dè dặt. VND, KLS, BVS đều linh xình quanh tham chiếu, trong khi VIX, PSI, ORS lại tăng trần mạnh mẽ. HBB tăng điểm với khối lượng giao dịch trên 11 triệu đơn vị song có thể thấy mong muốn thoát hàng tại mã này rất lớn. Cho đến phiên chiều, những mã đã tăng trần từ buổi sáng vẫn tiếp tục giữ giá, người bán tiết cung và người mua đã phải chấp nhận đẩy mức giá mua lên cao hơn. Đà tăng trên sàn HSX được duy trì, giúp chỉ số VN-Index đóng cửa tăng 7,22 điểm lên 472,87 điểm. Các cổ phiếu trên HNX tăng “chùng mực” hơn, khiến cho chỉ số chỉ tăng 0,98 điểm lên 79,55. Ngưỡng 80 vẫn chưa được chinh phục.

Trên HSX, giá trị mua và bán của khối ngoại cân bằng, giá trị mua ròng gần bằng 0. Trong đó DPM và GMD được mua nhiều nhất, đạt 5,4 và 4,3 tỷ đồng. VCB và STB cũng được mua ròng trên 2 tỷ. Ngược lại, VIC bị bán mạnh 14,9 tỷ. Trên HNX, khối ngoại mua ròng 17 tỷ, trong đó được mua mạnh nhất là PGS, VND, KLS, PVX.

**Tin trong nước**

Thống đốc NHNN đã ký ban hành văn bản số 2506/NHNN-CSTT yêu cầu các TCTD thực hiện việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với khách hàng vay không có khả năng trả nợ đúng hạn trên cơ sở kết quả đánh giá khả năng trả nợ của khách hàng.

Công ty xếp hạng định mức tín nhiệm uy tín nhất thế giới trong lĩnh vực bảo hiểm A.M.Best đánh giá Việt Nam là nước Đông Nam Á duy nhất rơi vào nhóm các quốc gia tiềm ẩn nhiều rủi ro nhất.

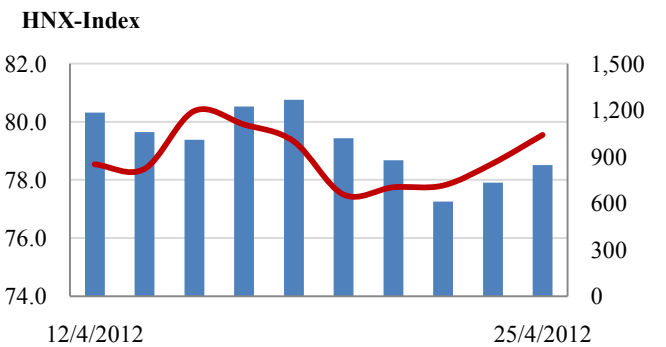
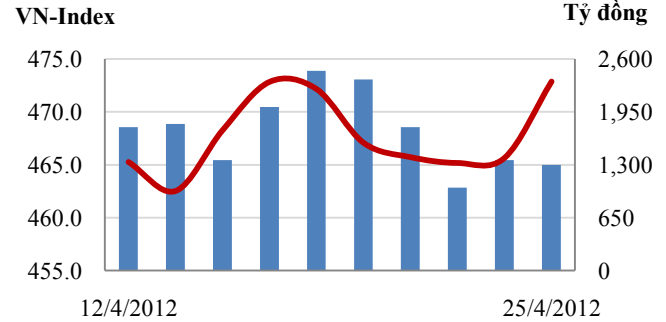
Dự kiến, vào đầu tháng 6/2012, khi các điều kiện được đáp ứng, UBCK sẽ cho phép áp dụng T+3.

**Tin quốc tế**

Trong phiên đấu giá trái phiếu ngày 24/4, lợi suất trái phiếu kì hạn 10 năm của Hà Lan giảm 0,08% xuống 2,35%, trong khi của Tây Ban Nha giảm 0,06% xuống 5,96%. Lợi suất trái phiếu kì hạn 10 năm của Pháp cũng giảm 0,04% xuống 3,06%.

Các quan chức Ủy ban châu Âu (EC) hôm nay 25/4 dự kiến đề xuất tăng ngân sách năm 2013 của Liên minh châu Âu (EU) thêm 6,8%.

**Giao dịch 10 phiên gần nhất**



**THẾ GIỚI**

|                      | Chỉ số | điểm  | %     |
|----------------------|--------|-------|-------|
| Mỹ: Dow Jones        | 13,091 | 89.2  | 0.7%  |
| Mỹ: S&P 500          | 1,391  | 18.7  | 1.3%  |
| Anh: FTSE 100        | 5,719  | 9.4   | 0.2%  |
| Nhật: Nikkei 225     | 9,561  | 93.0  | 1.0%  |
| Hong Kong: Hang Seng | 20,646 | -30.9 | -0.1% |

**KINH TẾ VĨ MÔ**

|                                | Tháng 3 | Tháng 4 | Lũy kế |
|--------------------------------|---------|---------|--------|
| Tăng trưởng GDP                | 4.00%   |         |        |
| Lạm phát so hàng tháng         | 0.16%   | 0.05%   |        |
| Lạm phát so với cùng kỳ (năm)  | 15.95%  | 10.54%  |        |
| Chỉ số công nghiệp (%)         | 4.10%   |         |        |
| Xuất khẩu (triệu \$)           | 9,150   |         |        |
| Nhập khẩu (triệu \$)           | 9,300   |         |        |
| Thâm hụt thương mại (triệu \$) | - 150   |         |        |
| FDI cam kết (triệu \$)         | 1,404   |         |        |
| FDI giải ngân (triệu \$)       | 1,520   |         |        |

(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

**CHỈ SỐ CHÍNH**

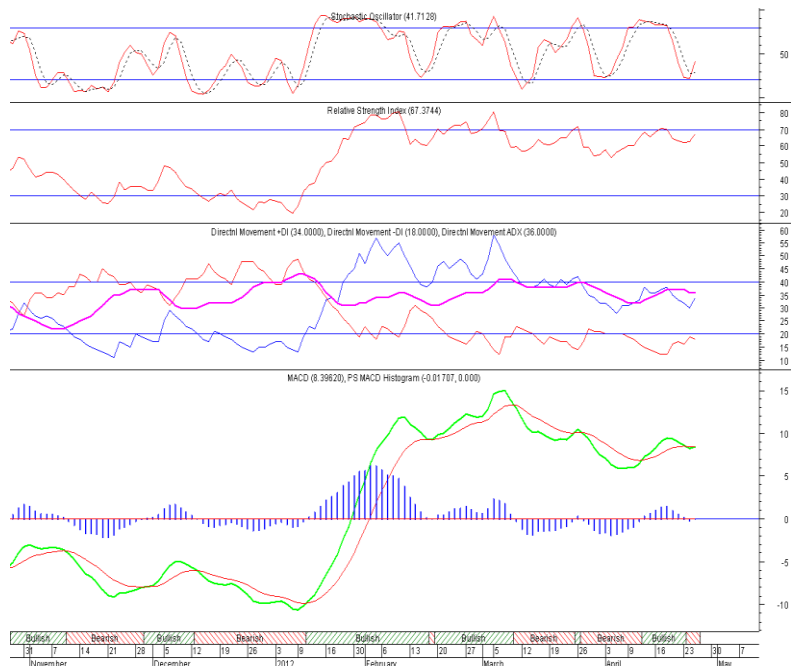
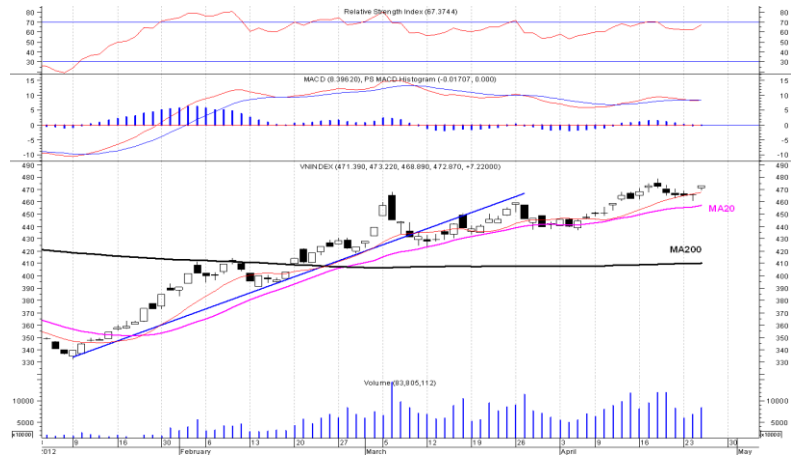
|                          | Tăng / Giảm |     | Khối lượng |      |       | Số lượng cổ phiếu |      |      | P/E |       |
|--------------------------|-------------|-----|------------|------|-------|-------------------|------|------|-----|-------|
|                          | Điểm        | %   | KL         | %    | GDTT  | Tăng              | Giảm | Đứng |     |       |
| VN-Index                 | 472.9       | 7.2 | 1.5%       | 88.1 | -0.3% | 4.3               | 223  | 49   | 34  | 11.3x |
| HNX-Index                | 79.6        | 1.0 | 1.2%       | 85.1 | 26.9% | 4.6               | 247  | 46   | 103 | 9.2x  |
| VN30                     | 542.8       | 7.9 | 1.5%       | 24.3 | 29.3% | 0.7               | 26   | 0    | 4   | 15.3x |
| 19 CP vốn hóa lớn nhất   | 503.8       | 6.7 | 1.3%       | 16.0 | 34.6% | 0.7               | 15   | 0    | 4   | 13.6x |
| 30 CP vốn hóa trung bình | 233.5       | 5.8 | 2.5%       | 40.9 | 26.5% | 0.3               | 26   | 1    | 2   | 8.2x  |
| 40 CP vốn hóa nhỏ        | 348.9       | 9.2 | 2.6%       | 30.1 | 29.8% | 0.7               | 33   | 0    | 7   | 8.6x  |
| Ngân hàng                | 377.6       | 3.7 | 1.0%       | 18.2 | 60.7% | 0.2               | 7    | 0    | 2   | 9.1x  |
| Bất động sản (trừ VIC)   | 246.5       | 7.4 | 3.0%       | 29.1 | 22.6% | 0.6               | 44   | 5    | 6   | 8.0x  |
| Thực phẩm (trừ MSN)      | 648.6       | 4.6 | 0.7%       | 1.8  | 4.3%  | 0.0               | 14   | 9    | 6   | 7.8x  |

(KL: triệu CP)

**PHÂN TÍCH KỸ THUẬT- HSX**

VNI tăng mạnh lên 471.39 điểm, KLGĐ cải thiện hơn đạt 88 triệu đơn vị. VNI đang bước vào đợt hồi phục nhưng VNI đang tiến gần đỉnh cũ và KLGĐ vẫn ở mức thấp so với trước. Áp lực bán sẽ gia tăng khi VNI lên vùng đỉnh, VNI có thể sẽ chững lại ở vùng đỉnh này. Nếu KLGĐ tiếp tục được cải thiện thì VNI có cơ hội tăng vượt đỉnh vững chắc. Nhóm cổ phiếu ngành BĐS sẽ vẫn thu hút được dòng tiền vào.

**Khuyến nghị:** Nhà đầu tư có thể xem xét giải ngân một phần vốn nếu thị trường tiếp tục tăng và thanh khoản tăng lên.



**XU HƯỚNG THỊ TRƯỜNG**

|           |            |
|-----------|------------|
| Ngắn hạn  | Trung tính |
| Trung hạn | Tăng       |
| Dài hạn   | Tăng       |

**CÁC NGƯỠNG KHÁNG CỰ VÀ HỖ TRỢ**

|               |     |
|---------------|-----|
| Kháng cự 1    | 475 |
| Kháng cự 2    | 520 |
| Vùng hỗ trợ 1 | 420 |
| Vùng hỗ trợ 2 | 410 |

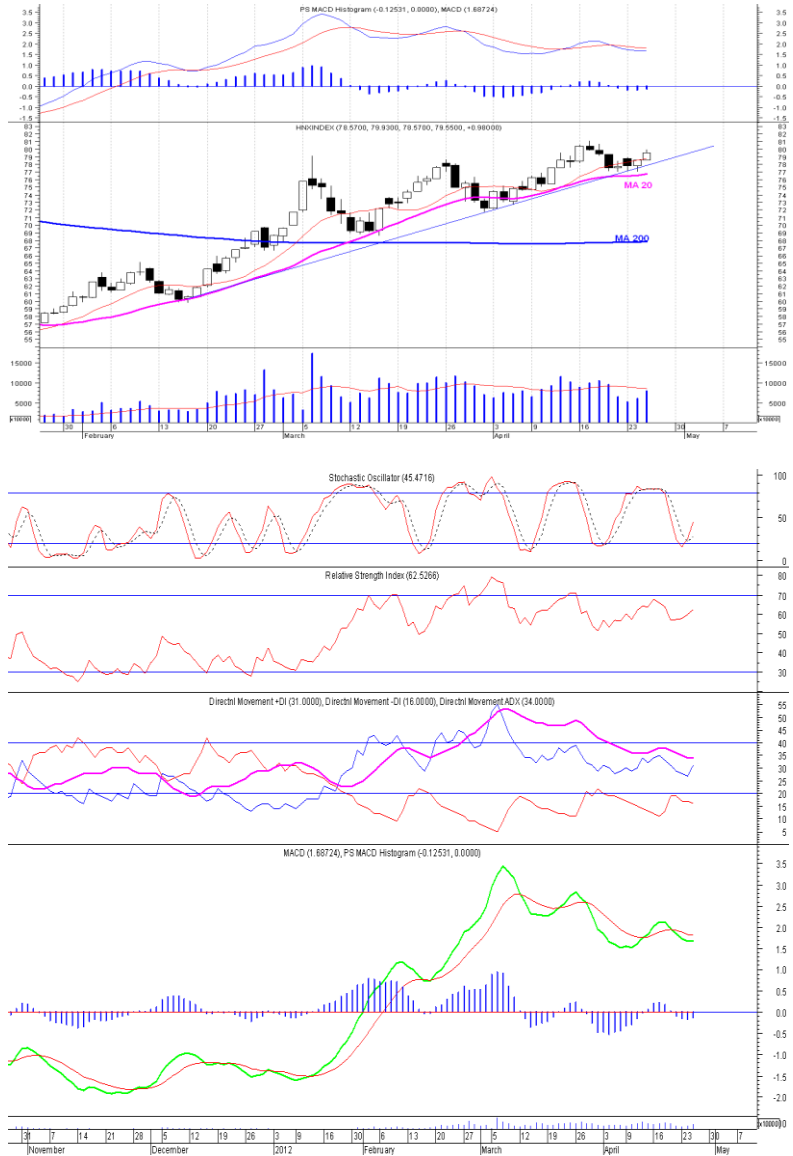
**THÔNG TIN CẬP NHẬT TRÊN SÀN**

- REE** Từ ngày 27/4 - 11/5, CTCP Cơ Điện Lạnh đăng ký bán 5.000.000 cổ phiếu quỹ, số cổ phiếu quỹ dự kiến sẽ nắm giữ sau giao dịch là 2.747 cổ phiếu. Phương thức giao dịch giao dịch thỏa thuận.
- KDC** Từ ngày 23/4 - 23/5, Deutsche Bank AG London, cổ đông lớn của CTCP Kinh Đô đăng ký bán 600.000 cổ phiếu, đăng ký mua 800.000 cổ phiếu, số cổ phiếu sẽ nắm giữ là 7.008.544 cổ phiếu, chiếm 5,31% vốn điều lệ, nhằm mua và bán cổ phiếu.
- DXG** Từ ngày 23/4 - 23/5, ông Lương Trí Thìn - Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng giám đốc CTCP Dịch vụ và Xây dựng Địa ốc Đất Xanh đăng ký bán 5.000.000 cổ phiếu, số cổ phiếu sẽ nắm giữ còn 9.408.375 cổ phiếu, chiếm 29,40% vốn điều lệ, nhằm bán cho đối tác chiến lược.
- PPC** Từ ngày 20/4 - 15/6, PVFC, tổ chức có liên quan đến cổ đông nội bộ CTCP Nhiệt điện Phả Lại đăng ký mua 5.000.000 cổ phiếu, nâng số cổ phiếu sẽ nắm giữ lên 11.956.430 cổ phiếu.

**PHÂN TÍCH KỸ THUẬT- HNX**

HNX tăng lên sát đỉnh cũ đạt 79.55 điểm, KLGD cải thiện dần và đạt 85 triệu đơn vị. HNX đóng cửa vượt MA10 khá chắc chắn, HNX đang trong nhịp tăng mới nhưng HNX đang tiến gần đỉnh cũ do vậy có thể sẽ chững lại ở vùng đỉnh này. Nếu KLGD tiếp tục được cải thiện kèm sự tăng về điểm số thì HNX có cơ hội tăng vượt đỉnh vững chắc.

**Khuyến nghị:** Nhà đầu tư có thể xem xét giải ngân một phần vốn nếu thị trường tiếp tục tăng và thanh khoản tăng lên.



**XU HƯỚNG THỊ TRƯỜNG**

|           |            |
|-----------|------------|
| Ngắn hạn  | Trung tính |
| Trung hạn | Tăng       |
| Dài hạn   | Tăng       |

**CÁC NGƯỠNG KHÁNG CỰ VÀ HỖ TRỢ**

|               |      |
|---------------|------|
| Kháng cự 1    | 80.0 |
| Kháng cự 2    | 90.0 |
| Vùng hỗ trợ 1 | 68.0 |
| Vùng hỗ trợ 2 | 64.0 |

**THÔNG TIN CẬP NHẬT TRÊN SÀN**

- HBB** Ngân hàng TMCP Habubank chính thức gửi cổ đông Đề án sáp nhập với ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội. Theo Đề án này các chủ sở hữu cổ phiếu của HBB sau khi sáp nhập vào SHB sẽ được hoán đổi cổ phiếu theo tỷ lệ 1 cổ phần HBB bằng 0,75 cổ phần SHB.
- VMC** Từ ngày 20/4 - 19/6, CTCP Chứng khoán Rồng Việt, cổ đông lớn của CTCP Vimeco đăng ký bán 200.000 cổ phiếu, đăng ký mua 200.000 cổ phiếu, nhằm cơ cấu lại danh mục.
- KSD** Từ ngày 20/4 - 15/6, ông Nguyễn Hữu Biền - Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tổng CTCP Xuất khẩu Đông Nam Á Hamico đăng ký bán 300.000 cổ phiếu, đăng ký mua 300.000 cổ phiếu, nhằm cơ cấu danh mục đầu tư.
- TLT** Từ ngày 20/4 - 19/6, Công ty Tài chính cổ phần Điện lực, cổ đông lớn của CTCP Viglacera Thăng Long đăng ký bán 300.000 cổ phiếu, nhằm thực hiện đầu tư và ủy thác đầu tư.

**HSX**

**HNX**

| 5CP TĂNG giá nhiều nhất |          |       | 5CP GIẢM giá nhiều nhất |          |      |
|-------------------------|----------|-------|-------------------------|----------|------|
| Mã CK                   | Thay đổi | KL    | Mã CK                   | Thay đổi | KL   |
| VKP                     | 14.29%   | 27.6  | VSG                     | -7.69%   | 6.9  |
| CAD                     | 12.50%   | 57.8  | RIC                     | -5.00%   | 21.4 |
| BAS                     | 9.09%    | 36.8  | STG                     | -4.82%   | 0.1  |
| HBC                     | 5.00%    | 623.2 | VNG                     | -4.76%   | 13.8 |
| ACC                     | 5.00%    | 13.1  | DLG                     | -4.52%   | 15.8 |

(Đơn vị: nghìn CP)

| 5CP TĂNG giá nhiều nhất |          |       | 5CP GIẢM giá nhiều nhất |          |      |
|-------------------------|----------|-------|-------------------------|----------|------|
| Mã CK                   | Thay đổi | KL    | Mã CK                   | Thay đổi | KL   |
| CX8                     | 11.90%   | 3.5   | V12                     | -9.41%   | 33.5 |
| POT                     | 7.95%    | 176.1 | VAT                     | -6.98%   | 0.3  |
| PV2                     | 7.94%    | 795.6 | S27                     | -6.90%   | 1.4  |
| MIC                     | 7.33%    | 178.4 | TKC                     | -6.85%   | 56.7 |
| TCT                     | 6.98%    | 3.6   | HPR                     | -6.67%   | 1.2  |

(Đơn vị: nghìn CP)

| 5CP có KLGD nhiều nhất |          |         | 5CP có GTGD nhiều nhất |          |         |
|------------------------|----------|---------|------------------------|----------|---------|
| Mã CK                  | Thay đổi | KL      | Mã CK                  | Thay đổi | Giá trị |
| SBS                    | 4.92%    | 6,868.1 | SSI                    | 4.48%    | 69.8    |
| ITA                    | 2.13%    | 2,869.3 | DPM                    | 4.57%    | 36.2    |
| SSI                    | 4.48%    | 3,025.8 | OGC                    | 2.45%    | 50.7    |
| OGC                    | 2.45%    | 3,040.8 | SBS                    | 4.92%    | 41.4    |
| LCG                    | 4.88%    | 2,651.8 | MBB                    | 0.65%    | 40.0    |

(Đơn vị: tỷ VND)

| 5CP có KLGD nhiều nhất |          |          | 5CP có GTGD nhiều nhất |          |         |
|------------------------|----------|----------|------------------------|----------|---------|
| Mã CK                  | Thay đổi | KL       | Mã CK                  | Thay đổi | Giá trị |
| HBB                    | 1.45%    | 11,134.8 | HBB                    | 1.45%    | 78.4    |
| PVX                    | 1.72%    | 5,518.5  | PVX                    | 1.72%    | 65.7    |
| VND                    | 0.00%    | 4,673.6  | VND                    | 0.00%    | 61.4    |
| SHN                    | 5.00%    | 4,615.4  | KLS                    | -0.78%   | 40.9    |
| SHB                    | 5.50%    | 3,281.6  | SCR                    | 6.45%    | 37.6    |

(Đơn vị: tỷ VND)

| 5CP NĐTNN mua nhiều nhất |          |       | 5CP NĐTNN bán nhiều nhất |          |       |
|--------------------------|----------|-------|--------------------------|----------|-------|
| Mã CK                    | Thay đổi | KL    | Mã CK                    | Thay đổi | KL    |
| ITA                      | 2.13%    | 164.8 | SBS                      | 4.92%    | 269.7 |
| DPM                      | 4.57%    | 160.2 | VFMVF4                   | 1.82%    | 237.8 |
| HPG                      | 3.54%    | 147.1 | VSH                      | 0.83%    | 162.4 |
| GMD                      | 0.66%    | 139.2 | VIC                      | 0.00%    | 151.0 |
| DIG                      | 4.69%    | 119.4 | LCG                      | 4.88%    | 126.5 |

(Đơn vị: nghìn CP)

| 5CP NĐTNN mua nhiều nhất |          |       | 5CP NĐTNN bán nhiều nhất |          |       |
|--------------------------|----------|-------|--------------------------|----------|-------|
| Mã CK                    | Thay đổi | KL    | Mã CK                    | Thay đổi | KL    |
| VND                      | 0.78%    | 350.0 | VGS                      | 1.45%    | 100.0 |
| PGS                      | 4.26%    | 263.3 | THV                      | 3.12%    | 100.0 |
| KLS                      | 0.00%    | 176.2 | PVC                      | 2.37%    | 62.2  |
| PVX                      | 1.72%    | 147.1 | ICG                      | 2.61%    | 50.0  |
| PV2                      | 6.25%    | 88.0  | SD6                      | 1.02%    | 25.0  |

(Đơn vị: nghìn CP)

Ghi chú: % thay đổi giá = (giá cao nhất trong phiên - giá thấp nhất trong phiên) / giá tham chiếu

**KHUYẾN CÁO**

Báo cáo này được phát hành bởi VietinBankSc. Các thông tin, nhận định trong báo cáo đều dựa trên các nguồn thông tin có sẵn, đã công bố ra công chúng được xem là đáng tin cậy và hợp pháp. Tuy nhiên, VietinBankSc không đảm bảo tính đầy đủ, chính xác của các thông tin này. Nhà đầu tư sử dụng báo cáo cần lưu ý các nhận định, dự báo trong báo cáo mang tính chủ quan của người viết. Nhà đầu tư tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

**Mr. Phan Ngọc Minh**

Trưởng phòng Nghiên cứu- Phân tích  
Tel: (84.4) 3974 7952  
minhpn@vietinbanksc.com.vn

**Ms. Nguyễn Thu Huyền**

Phó phòng Nghiên cứu- Phân tích  
Tel: (84.4) 3974 7952  
huyennt@vietinbanksc.com.vn

**Trụ sở chính**

306 Bà Triệu, Hai Bà Trưng, Hà Nội  
Tel: (84.4) 6278 0012

**P. Giao dịch Thái Thịnh**

Số 196 Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội  
Tel: (84.4) 3519 0142

**Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh**

49 Tôn Thất Đạm, Q1, TP.HCM  
Tel: (84.8) 3820 9987

**P. Giao dịch Phan Đăng Lưu**

Tầng M, 24A Phan Đăng Lưu, P.6, Q.Bình Thạnh, TP.HCM  
Tel: (84.8) 3551 5606